

# TÌM HIỂU MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỮ NÔM VÀ TIẾNG VIỆT THỂ HIỆN TRONG VĂN BẢN HOA TIÊN NHUẬN CHÍNH (P1)

TS. Đào Mạnh Toàn<sup>1</sup>  
ThS. Hoàng Ngọc Cương<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, việc tìm hiểu về chữ Nôm và tiếng Việt lịch sử ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong đó, xu hướng đi vào khảo sát, nghiên cứu và phân tích chữ Nôm cũng như tiếng Việt được thể hiện trong một tác phẩm Nôm cụ thể đang ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu vận dụng và đạt được thành tựu rất khả quan. Vận dụng theo xu hướng nghiên cứu nói trên, chúng tôi đã lựa chọn một văn bản chữ Nôm cụ thể để đi vào khảo sát, phân tích những vấn đề về chữ Nôm cũng như tiếng Việt được thể hiện trong văn bản. Văn bản được chúng tôi lựa chọn là tác phẩm Hoa tiên nhuận chính bằng nguyên bản chữ Nôm. Sở dĩ chúng tôi lựa chọn văn bản này, vì đây là một trong những tác phẩm tiêu biểu về các phương diện văn học, ngôn ngữ, văn tự trong giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX. Thông qua việc phân tích chữ Nôm và cách ghi tiếng Việt được thể hiện trong văn bản, có thể giúp chúng ta tìm ra một số đặc điểm về cấu trúc chữ Nôm và tiếng Việt cổ được thể hiện trong văn bản.

**Từ khóa:** Chữ Nôm, âm Hán Việt, âm tiền Hán Việt, tiếng Việt cổ.

### 1. Đặt vấn đề

Truyện Nôm *Hoa tiên nhuận chính* (花箋潤正) của Nguyễn Huy Tự và Nguyễn Thiện là một trong những tác phẩm văn học chữ Nôm tiêu biểu ở thế kỷ XVIII, và đã được xem như là một 3 tác phẩm tiêu biểu nhất của Văn phái Hồng Sơn. Đây là một tác phẩm có tích cách phóng tác, dựa theo một ca bản của Trung Quốc tên là *Đệ bát tài tử Hoa tiên ký*.

*Hoa tiên nhuận chính* (HTNC) không chỉ là một tác phẩm văn học tiêu biểu trong dòng văn học trung đại Việt Nam, mà hơn nữa đây là một trong những tác phẩm văn học chữ Nôm rất có giá trị trong việc nghiên cứu chữ Nôm và lịch sử tiếng Việt.

Thông qua việc khảo sát, đánh giá những văn bản *Hoa tiên* còn lại đến nay, kể cả những văn bản bằng chữ Quốc ngữ và chữ Nôm, chúng tôi đã đặt ra vấn đề lựa chọn một văn bản tiêu biểu nhất để nghiên cứu. Về văn bản HTNC, cho tới nay đã có khá nhiều dị bản (bao gồm cả chữ Nôm và chữ Quốc ngữ). Điều này đã gây không ít khó khăn, phức tạp trong quá trình nghiên cứu. Nếu căn cứ vào các văn bản hiện còn thì có lẽ bản chữ Nôm HTNC mang ký hiệu Nc.144 của Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm do

<sup>1</sup>Trường Đại học Đồng Nai

<sup>2</sup>Trường Đại học KHXH&NV Tp.Hồ Chí Minh

Nguyễn Thiện nhuận chính được khắc in năm Tự Đức Ất Hợi (1875) là bản tốt nhất hiện nay.

Văn bản HTNC mang ký hiệu Nc.144 do Đỗ Hạ Xuyên cho khắc in năm Tự Đức Ất Hợi (1875) với nhan đề là HTNC nhưng không có ghi tên Nguyễn Huy Tự và Nguyễn Thiện. Toàn văn bản có 38 tờ, tức 76 trang, mỗi trang có 12 dòng, chữ khắc in khá rõ ràng, toàn văn bản có 1.766 câu lục bát.

Việc tìm hiểu diện mạo cấu trúc chữ Nôm và tiếng Việt được thể hiện trong văn bản HTNC sẽ cung cấp thêm những cứ liệu quan trọng cho việc nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt lịch sử ở giai đoạn thế kỷ XVII-XIX nói riêng cũng như lịch sử chữ Nôm và lịch sử tiếng Việt nói chung. Do đó, bài viết của chúng tôi sẽ tập trung khảo sát hai nội dung quan trọng trong văn bản HTNC là: Chữ Nôm và tiếng Việt được thể hiện trong văn bản.

## 2. Tình hình chữ Nôm trong *Hoa Tiên nhuận chính*

### 2.1. “*Hoa Tiên nhuận chính*” còn bảo lưu được nhiều lối viết cổ

HTNC là một tác phẩm ra đời vào cuối thế kỷ XVIII, trên văn bản còn thấy khá nhiều mã chữ Nôm cổ, những từ ngữ cổ thường thấy ở các tác phẩm chữ Nôm thời Lê. Có những chữ nhất loạt được ghi theo kiểu chữ Nôm đời Lê và trước Lê. Có những chữ vừa ghi theo kiểu chữ Nôm đời Lê vừa ghi theo kiểu chữ Nôm thời Nguyễn, nhưng kết quả thống kê cho thấy vẫn nghiêng về cách ghi chữ Nôm thời Lê. Chúng ta có thể tạm hình dung qua một số trường hợp trong bảng sau:

Giai đoạn	Thế kỷ XV		Thế kỷ XVI - XVII			Thế kỷ XVIII – XIX		
	Quốc âm	Hồng Đức	Chỉ nam ngọc âm	Tân Biên TKML	Thiên Nam ngữ lục	Hoa Tiên nhuận chính	Đại Nam QSDC	Đoạn trường tân thanh
Con	昆	昆猥	昆	昆	昆猥	昆	猥	猥
Tay	搃	搃	搃	搃	搃	搃	搃	搃
Trà	把	者	把	把	把	者	者	者
Trăng	朧朧	朧	朧朧	朧	朧朧	朧	朧	朧
Trong	工𪗇	工𪗇	工	𪗇	工中𪗇	冲𪗇 𪗇	𪗇	𪗇
Trống	𪗇	𪗇	𪗇	𪗇	𪗇	𪗇	𪗇	𪗇
Trước	輜	輜	略	略	輜	略輜	輜	輜

Sau	鞞	婁	婁	婁	鞞	鞞婁	麩	麩
Sang	𪛗	𪛗	朗	𪛗	朗𪛗	朗𪛗 𪛗	𪛗	𪛗
Sao	牢	牢	牢	牢	牢	牢	牢	牢鞞
Một	蔑没	蔑没	蔑	蔑	蔑	蔑义	没	没
Lời	𪛗	𪛗	𪛗	𪛗	𪛗	𪛗	𪛗	𪛗
Xưa	初	初	初	初	初	初	𪛗	𪛗

## 2.2. Chữ Nôm trong “*Hoa Tiên nhuận chính*” có nhiều cách đọc cách viết

Xét theo khả năng đọc, một điều dễ nhận thấy là trong văn bản HTNC có những chữ chỉ có một cách đọc duy nhất và có những chữ có từ hai ba cách đọc trở lên.

Ví dụ: Các chữ: “này”, “nơi”, “nay” là do đọc chệch âm Hán Việt (HV) 尼 “ni” (vốn là cách đọc từ cổ ni > này) trong những câu:

- *Gió dàu dàu dui duyên này* 兜撒唯緣尼 (3b,d3).
- *Nơi chung viện sách, nơi bày cuốn thơ* 尼鍾院册尼排卷疏 (7a,d9)
- *Tiện tra bạ trưởng bấy nay cho tường* 便查簿帳悲倉朱詳(2a,d9)...

Hoặc các chữ “bề”, “bì”, “vừa”, “bờ” cũng do mượn âm đọc chệch âm Hán Việt 皮 “bì” trong những câu:

- *Những ai hơi hương những bề gần xa* 仍埃唏响仍皮斯賒 (5a,d9)
- *Rằng: danh tiết ấy thơm tho ai bì* 浪名節意蕘秋埃皮 (33b, d9)
- *Lâm dâm bờ cỏ sông Ô khắp đường* 淋沁坡靺瀆烏泣塘(16a,d8)

Tình hình một chữ có nhiều cách viết có lẽ cũng là vấn đề đặc thù của loại hình văn tự khối vuông trong đó có chữ Nôm. Mặt khác, chữ Nôm là một thứ chữ chưa bao giờ được điển chế hóa cho nên người viết còn được phép linh động ở những phạm vi nhất định. Qua thống kê ta thấy trong văn bản HTNC số từ có một cách viết là nhiều nhất, sau đó là số từ có hai cách viết và số lượng từ có nhiều cách viết giảm dần.

## 2.3. Phân loại chữ Nôm trong “*Hoa Tiên nhuận chính*”

Trong HTNC có thể phân biệt được hai loại chữ Nôm như sau:

**Loại I:** Loại chữ đơn (tức là chữ vay mượn và không có cấu trúc nội tại), loại này trong HTNC có những tiểu loại sau:

◆ *Mượn hình, âm Hán Việt và Nghĩa.* Ví dụ:

才色 “Tài sắc”: Đặt người tài sắc vào trong khuôn trời 達得才色包融困至 (câu 2).

雪 “Tuyết”: Xiêm in bóng tuyết, mây lỏng ngân rêu 檐印倖雪露筆痕縈 (câu 106)...

Trong HTNC, loại này có 3.197 chữ, chiếm 25,96% tổng số chữ trong văn bản.

♦Mượn hình, âm tiền Hán Việt, âm Hán Việt Việt hóa và nghĩa. Ví dụ:

STT	Chữ	Âm tiền Hán Việt	Âm Hán Việt	Xuất xứ
1	帆	Buồm	Phàm	16a,d8
2	梗	Cành	Nganh	6b,d2
3	油	Dầu	Du	23b,d4

Trong HTNC, loại này có 1.067 chữ, chiếm khoảng 8,3% tổng số chữ trong văn bản.

♦Mượn hình, bỏ âm Hán Việt, lấy nghĩa

Trong HTNC, loại này có 58 chữ, chiếm khoảng 0,47% tổng số mã chữ trong văn bản. Ví dụ:

- 為/“Làm” (âm Hán Việt: Vi): Nghìn thu để một mối tình làm gương (1b,d4), xuất hiện 27 lần.

- 鐵/鐵“Sắt” (âm Hán Việt: Thiệt): Cả liều mặt sắt vào ngay trước bàn (3b,d3), xuất hiện 8 lần.

- 鎖 “Khóa” (âm Hán Việt: Tỏa): Xa mù lần khóa vắng teo giọt lầu (3b, d7), xuất hiện 5 lần.

♦Mượn hình, âm Hán Việt, bỏ nghĩa

Trong HTNC, loại này có 1.152 chữ, chiếm 9,31% tổng số chữ trong văn bản. Ví dụ:

- Dùng “lại” 吏 (nghĩa là quan lại) để ghi: Khí thiêng đúc lại họ Lương một nhà (1b,d5).

- Dùng “qua” 戈 (Nghĩa là giáo mác) để ghi: Gửi qua xấp năm dưới lầu(2a,d6).

♦ Mượn hình, âm Hán Việt đọc chệch

Trong HTNC có tất cả 3.323 chữ, chiếm 26,98% tổng số chữ trong văn bản. Một số ví dụ:

- 別 “Biết” (âm HV: biệt), trong câu: Hôm thăm tạm ngụ biết ai đây mà (3b,d12).

- 群 “Còn” (âm HV: quần), trong câu: Con cò còn đây xem mau lấy về (4a, d2).

**Loại II.** Loại chữ ghép (tức là loại chữ sáng tạo, bao gồm hai thành tố).

Loại này bao gồm những chữ Nôm có cấu trúc nội tại do người Việt sáng tạo. Chúng có tự dạng riêng, người Hán không đọc được và không hiểu được. Từ đây, các tiểu loại chữ Nôm được tạo ra theo các phương thức sau:

♦ *Ghép một chữ Hán với ký hiệu phụ.* Ví dụ:

- 举巨“Cữ” (Cữ + cự): *Luống thay cữ gió tuàn trắng hời người* (14b,d4).
- 路“Ló” (Lộ + nháy): *Viên công vừa thấy trong thuyền ló ra* (23a,d7).
- 女“Yêu” (nữ + nháy): *Yêu thơ bỏ liễu lờ làng tóc tơ* (30a,d3)...
- “Giây” (di + khẩu): *Vụng về chẳng bỏ giây cười làng thơ* (8a,d2).
- 吼噪“Khổng khánh” (khổng + khẩu và cảnh + khẩu): *Thói quyề*

Trong HTNC, loại này có 26 chữ, chiếm 0,22% tổng số chữ trong văn bản.

♦ *Ghép âm + âm*

Trong HTNC, loại chữ này có 5 mã, xuất hiện 43 lần, chiếm tỉ lệ 0,36% tổng số chữ trong văn bản. Ví dụ:

- 輜/畧“Trước” (cư + lược), ví dụ: *Trước hoa lần bóng hoa dòi* (25b, d11).

Trong văn bản chữ này xuất hiện 40 lần.

- 鬯 “Sang” (cư + lang), ví dụ: *Mình sang duyên thăm thờ ở mọi đường* (26b,d11). Trong văn bản chữ này xuất hiện 14 lần.

- 輜/婁“Sau” (cư + lâu), ví dụ: *Mặt sau sẵn thú viên trì* (5a,d3). Trong văn bản chữ này xuất hiện 28 lần.

♦ *Ghép ý + ý.* Ví dụ:

- 𠂔 “Gồm”: *Gấm hoa tài mạo gồm hai* (1b,d11). Trong văn bản chữ này xuất hiện 2 lần.

- 𠂔 “mây”: *Khói om mây đình hương nghệ* (2b,d7). Trong văn bản chữ này xuất hiện 37 lần.

- 𠂔 “đời”: *Ví đầu ví lạ lũng chãng cho đời* (4a,d8). Trong văn bản chữ này xuất hiện 23 lần.

- 𠂔 “trời”: *Đào trên mây hạnh trên trời* (4a,d9). Trong văn bản chữ này xuất hiện 27 lần.

Trong HTNC, loại này có 8 mã xuất hiện 101 lần, chiếm tỉ lệ 0,93% tổng số chữ trong văn bản.

♦ *Ghép âm + ý*

◇ Ghép bộ với chữ. Ví dụ:

- 茹 “nhà”: *Gia quan mới đạo nhà huỳnh* (1b,d12).
- 跣 “nhảy”: *Đua chân nhẩy phượng sánh vai cười kình* (1b,d11).
- 柳 “dâu”: *Song hồ nấn ná thôn dâu* (2a,d1)...

Tiểu loại này trong HTNC có 2.580 chữ, chiếm tỉ lệ 20,9% tổng số chữ trong văn bản.

◇ Ghép chữ với chữ (1 chữ biểu âm và 1 chữ biểu ý). Ví dụ:

- 姘 “nửa”: *Nửa song âu thẹn vũng tân đôi uyên* (2a,d4).
- 帶 “dưới”: *Gửi qua xấp nắm dưới lầu* (2a,d6).
- 翺 “mở”: *Nhà xuân vừa mở thọ diên* (2b,d2)...

Loại này trong HTNC có 803 chữ, chiếm tỉ lệ 6,50% tổng số chữ trong văn bản.

Qua việc phân loại chữ Nôm trong HTNC, ta thấy chữ Nôm đọc nghĩa và hội ý có số lượng rất ít và chiếm một tỉ lệ không đáng kể (0,47% và 0,93%), còn hầu như đại đa số đều mang một thành tố ghi âm. Thành tố đó được GS.Nguyễn Ngọc San gọi là thành tố gốc (xem thêm [1]). Các chữ Hán được sử dụng làm thành tố gốc ở loại I là những chữ đơn, còn ở loại II chúng trở thành những yếu tố của các tiểu loại chữ ghép. Như vậy, đối với đa số chữ Nôm thuộc nhóm I thì các âm Hán Việt, tiền Hán Việt và Hán Việt Việt hóa đều có thể làm thành tố gốc, âm gốc đồng thời là âm đọc của toàn chữ. Trong ba loại đó thì âm Hán Việt được sử dụng rộng rãi nhất và là âm xuất phát duy nhất trong các chữ Nôm thuộc nhóm sáng tạo. Còn âm tiền Hán Việt và Hán Việt Việt hóa cũng được sử dụng trong chữ Nôm nhưng chỉ trong một số chữ thuộc nhóm vay mượn, và không được sử dụng làm âm xuất phát trong trường hợp có sự chỉnh âm.

### 3. Tiếng Việt và cách ghi tiếng Việt thể hiện qua văn bản HTNC

Chúng ta biết rằng, chữ Nôm là một thứ chữ được xây dựng trên cơ sở chất liệu các chữ vuông Hán để ghi âm tiếng Việt và hầu như ở mỗi một giai đoạn lịch sử chữ Nôm đều mang những dấu ấn đặc trưng riêng do sự chi phối của ngữ âm tiếng Việt đưa lại. HTNC là một tác phẩm Nôm ra đời vào cuối thế kỷ XVIII, trong văn bản còn ghi lại khá nhiều mã chữ phản ánh âm đọc ở các thế kỷ trước và trong thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, do tính kế thừa và ổn định của văn tự, văn bản còn có những mã chữ phản ánh âm đọc ở những thời kỳ xa xôi hơn. Và do được sao chép và in vào thời Nguyễn nên lại có những mã chữ Nôm xuất hiện sau thời kỳ sáng tác của tác phẩm. Do đó, ở đây cũng cần có sự cố gắng phân biệt những mô hình chữ Nôm nào phản ánh diện mạo tiếng Việt từ thế kỷ XVIII trở về trước, những mô hình chữ Nôm nào phản ánh tiếng Việt ở giai đoạn sau đó. Nội dung chương này chủ yếu trình bày về mối quan hệ lịch sử giữa chữ Nôm và tiếng Việt. Vấn đề này được giới hạn trong một tác phẩm cụ thể, ở một thời điểm lịch sử cụ thể

### 3.1. Về ngữ âm

#### 3.1.1. Dấu vết ngữ âm tiếng Việt thể hiện qua văn bản

Nhìn chung các kết quả nghiên cứu đều cho thấy những sự biến đổi ngữ âm dựa trên nguyên tắc: các âm có cùng bộ vị cấu âm giống nhau đều có thể chuyển đổi cho nhau. Như vậy, từng cặp tương ứng giữa âm đầu Hán Việt và âm đầu tiếng Việt sẽ là: âm môi với âm môi, âm đầu lưỡi với âm đầu lưỡi, âm mặt lưỡi với âm mặt lưỡi, âm gốc lưỡi với âm gốc lưỡi, âm thanh hầu với âm thanh hầu. Tuy nhiên, trong khá nhiều trường hợp, quá trình diễn biến còn bắt nguồn từ nguyên nhân lịch sử.

Các nhà nghiên cứu đã dựa vào các ngôn ngữ nhánh Việt Mường và cách ghi của chữ Nôm để giải thích và chứng minh những mối quan hệ như trên. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu những hiện tượng có liên quan đến HTNC:

#### - /z/ > nh

Trong HTNC có 3 trường hợp dùng /z/ Hán để ghi nh Việt, ví dụ:

- 蝮 Nhện (chữ Hán Việt biểu âm “Diện”). Ví dụ: *Nhện sa chọt mắng tin đầu trước màn* 蝮沙秩隣信兜略萌 (21b,d10). Trong văn bản chữ này xuất hiện 3 lần.
- 葉 Nhịp (chữ Hán Việt biểu âm “Diệp”). Ví dụ: *Nhịp châm dạ khách, tiếng kình đêm thu* 葉砧脗客啣 黥脗秋 (26a,d6). Trong văn bản chữ này xuất hiện 2 lần.

Về quá trình ?j > nh còn có thể tìm thấy dấu vết trong sự song song tồn tại giữa các cặp từ đồng dụng trong tiếng Việt: dẫn deo – nhãn nheo, dậchìm - nhận chìm, dòm – nhòm, dức - nhức, dừ - nhừ, dúm – nhúm, dôi - nhồi, dấp nước - nhấp nước, dươn người - nhươn người

#### - K > ?g > ng

Trong chuỗi biến chuyển này thì k > g là một hiện tượng dễ hiểu. Bởi vì trong hệ thống âm Hán Việt không có phụ âm đầu g nên người viết chữ Nôm đã dùng phụ âm đầu k Hán Việt để ghi. Trong HTNC có 17 trường hợp với 126 lần xuất hiện. Một số ví dụ:

STT	Chữ Nôm	Chữ HV biểu âm	Âm Nôm	Tần số	Xuất xứ
1	鶖	Ca	Gà	2	14a,d4
2	閣	Các	Gác	15	33a,d10
3	媽	Cái	Gái	2	34a,d2

- Về hiện tượng **k > ng**, HTNC thể hiện 5 trường hợp. Ví dụ:

- 鸞 Ngâm (chữ Hán Việt biểu âm “Cầm”), (1b,d3). Trong văn bản chữ này xuất hiện 4 lần.

- 吟 Ngâm (chữ Hán Việt biểu âm “Câm/Kim”) (2b,d8). Trong văn bản chữ này xuất hiện 7 lần.

Còn có thể tìm thấy dấu vết của quá trình này trong sự so sánh giữa tiếng Việt với các tiếng cùng nguồn:

<i>Mường</i>	<i>Việt</i>
Koi (Đan Lai), kuôi ( Cuối Đép)	Người
Ken ( Koi)	Nghẹn

- *d > đ* Trong HTNC có tất cả 14 trường hợp dùng đ/d/ ghi d/z/ với 59 lần xuất hiện.

Ví dụ:

STT	Chữ Nôm	Chữ HV biểu âm	Âm Nôm	Tần số	Ví dụ
1	𤇗	Đãi	Dãi	2	2b,d12
2	𤇗	Đình	Dành	7	9b,d5
3	𤇗	Đâu	Dâu	6	2a,d1
4	𤇗	Đại	Dạy	16	2a,d7

Dấu vết trong phương ngữ tiếng Việt: Con đao – con dao, cây đa – cây da, đười - dưới, đay - dạy, đán - dài...

- *ch > gi*

Trong HTNC có 7 trường hợp dùng ch/c/ ghi gi/z/, xuất hiện 38 lần. Ví dụ:

STT	Chữ Nôm	Chữ HV biểu âm	Âm Nôm	Tần số	Ví dụ
1	𤇗	Chi	Gì	12	10a,d9
2	𤇗	Chi	Giấy	3	11b,d9
3	𤇗	Chiêu	Gieo	4	6a,d6
4	𤇗	Chung	Giong	2	11b,d4

Có thể tìm thấy dấu vết của sự tương ứng như trên trong việc so sánh giữa tiếng Việt và các tiếng nhóm Mường:

<i>Nguồn</i>	Chỗ	Chọn
<i>Việt</i>	Giỗ	Giận



Xu hướng *ch/c/ > gi/z/* có lẽ phải xảy ra vào khoảng thế kỷ thứ XVII trở đi vì ở sách *Phật thuyết* (thế kỷ XV) âm đầu *gi/z/* trong các từ thuần Việt còn được ghi bằng âm đầu *ch* và *tr* Hán Việt. Ví dụ:

折 Chiết = giết; 纏寧 Triền trữ = gìn giữ ; 渚 Chủ = giữ

- **Sự rút gọn các nhóm phụ âm có /r/**

Trong cấu trúc chữ Nôm, do âm Hán Việt không có /r/ thường dùng những chữ có âm đầu /l/ Hán Việt để ghi. HTNC có hai trường hợp:

輓 (cư + lâu) > krau > sau (5a, d3).

𪛗 (cư + lang) > krang > sang (1b, d6).

Một vài sự biến đổi âm đầu khác cũng để lại dấu vết trong sự so sánh giữa hai phương ngôn Mường - Việt và trong chữ Nôm. Đó là hiện tượng ngạc hóa *t > ch* và xát hóa *ch > x* như sau:

- ***t > ch***

Trong HTNC có 2 trường hợp dùng *t/t/* ghi *ch/c/* với 3 lần xuất hiện:

STT	Chữ Nôm	Chữ HV biểu âm	Âm Nôm	Tần số	Ví dụ
1	摔	Tốt	Chuốt	2	4b, d8
2	孫	Tôn	Chôn	1	31b, d12

- ***ch > x***

Trong HTNC có 1 trường hợp dùng *ch/c/* ghi *x/s/* với 30 lần xuất hiện:

𪛗/𪛗 Chiêm > xem. Ví dụ: *Đầu duênh cuối bãi lãn xem* (32a, d7).

Có thể tìm thấy dấu vết của nó qua sự so sánh các nhóm tiếng Mường với tiếng Việt:

(*Cuối Đép*) Chò ⇔ (Việt) Xâu

Và hiện tượng đồng dạng ở trong phương ngôn Việt: *chê - xê, chen - xen, chòm - xóm, lụp chụp - lụp xụp.*

- **Về sự rút gọn và biến đổi của các nhóm phụ âm có /l/**

*KL* tương ứng với các âm đầu *tr, l* quốc ngữ. HTNC có 3 mã, trong đó cả 2 mã đều được ghi bằng cách nhập một hai yếu tố Hán Việt có âm đầu *k* và *l*, đồng thời có 1 mã ghi bằng phụ âm /l/:

- 𪛗 (cổ + lộng) > klông > trống (32b, d7). Trong văn bản chữ này xuất hiện 1 lần.

- 輓 (cư + lược) > klước > trước (5a, d1). Trong văn bản chữ này xuất hiện 12 lần.

- 略(lược) > klước > trước (35a, d8). Trong văn bản chữ này xuất hiện 28 lần.

*BL* tương ứng với các âm đầu *tr*, *gi*. HTNC có 3 mã, trong đó có một mã biểu hiện bằng cách ghi nhập một hai yếu tố Hán Việt có âm đầu là *b* và *l*, còn lại 2 mã chỉ ghi một trong hai yếu tố đó, hoặc là tiền tố, hoặc là hậu tố.

- 𦉑 (ba + lộng) > blông > trống (25a, d2). Xuất hiện 1 lần.
- 論 (luận) > blon > trợn (17b,d7). Xuất hiện 3 lần.
- 磊 (lỗi) > blỗi > trỗi (34b, d11). Xuất hiện 3 lần.

#### - *b > v*

Trong HTNC có 12 trường hợp dùng *b* Hán Việt ghi âm *v* Nôm với 140 lần xuất hiện. Một số ví dụ:

STT	Chữ Nôm	Chữ HV biểu âm	Âm Nôm	Tần số	Ví dụ
1	𦉑	Ba	Và	1	8a,d5
2	𦉑	Bài	Vài	3	10a,d11
3	𦉑	Bán	Ván	1	4b,d12
4	𦉑	Bang	Vâng	13	27a,d7
5	𦉑	Bao	Vào	35	24b,d5

Như vậy, chữ Nôm trong HTNC dùng chữ Hán có âm đầu /b/ để ghi âm đầu /v/ Nôm là phản ánh đúng cách phát âm đương thời.

#### - *S > th*

Trong HTNC cũng có những trường hợp dùng *s/s/* ghi *th/t/* như sau:

STT	Chữ Nôm	Chữ HV biểu âm	Âm Nôm	Tần số	Ví dụ
1	柴	Sài	Thầy	2	2a,d7
2	疏	Sơ	Thưa	12	3a,d7
3	疏	Sơ	Thơ	20	5b,d3

Dấu vết của quá trình *s > th* còn có thể tìm thấy qua sự so sánh giữa các phương ngữ:

*Mường*

Sái (Cuối Chấm, Đan Lai, Lý Hà)

*Việt*

Thái

Sít ( Cuối Chăm, Đan Lai, Lý Hà)

Thịt

**- Kh > h**

Trong HTNC có 3 trường hợp dùng **kh** ghi **h** với tần số xuất hiện là 4 lần:

STT	Chữ Nôm	Chữ HV biểu âm	Âm Nôm	Tần số	Ví dụ
1	呵	Khả	Há	2	12a,d11
2	呵	Khả	Hả	1	29a,d2
3	乞	Khát	Hất	1	15b,d5

Theo GS.Nguyễn Ngọc San, *kh* là âm sát gốc lưỡi vô thanh, trước thế kỷ XVII là một âm bật hơi /k<sup>></sup>/, *h* là âm sát thanh hầu. Hai âm này gần gũi nhau về bộ vị cấu âm nên có thể thay thế cho nhau. Quá trình Hán Việt hóa ở thế kỷ X cho thấy các từ mang âm đầu gốc lưỡi /x/ thuộc mẫu *hiểu* (trương ứng với âm *kh*) và âm gốc lưỡi /Y/ thuộc mẫu *hạp* (trương ứng với *g*) đều nhập làm một thành âm hầu /h/ Việt. Sở dĩ như vậy vì lúc ấy tiếng Việt chỉ có /k/ và /k<sup>></sup>/ chứ chưa có âm sát. Xu hướng này cũng tạo một tiền đề về sau chữ Nôm dùng âm /k/ Hán Việt biểu thị âm /h/ thuần Việt.

### 3.1.2. Dấu vết phụ âm đầu tiên Hán Việt thể hiện qua văn bản

Âm tiền Hán Việt là một thuật ngữ để chỉ chung những tiếng gốc Hán được du nhập vào tiếng Việt trước khi có âm Hán Việt. Vì đi vào tiếng Việt đã lâu, và được đồng hóa rất mạnh nên những từ này hiện nay nói chung không còn vẻ xa lạ với người Việt nữa. Vì thế hiện nay có rất nhiều người nhầm tưởng rằng đó là những chữ Hán đọc theo nghĩa (xem thêm [2]), nhưng thực ra chúng là âm tiền Hán Việt. Vấn đề này đã được các nhà Hán ngữ học như Vương Lực, H.Maspero, Nguyễn Ngọc San và GS.Nguyễn Tài Cẩn nghiên cứu và chứng minh (xem thêm [3]). Ví dụ:

**- b > f**

Trong HTNC có 3 trường hợp dùng *b* ghi *f*: Như dùng “phòng” 房 ghi “buồng” (6b,d6), dùng “phàm” 帆 ghi “buồm” (22b,d12), dùng “phọc” 縛 ghi “buộc” (2b,d12) xuất hiện 11 lần. Chính “buồng” là âm tiền Hán Việt của “phòng”, “buồm” là âm tiền Hán Việt của “phàm”, “buộc” là âm tiền Hán Việt của “phọc”, vì ở thời Tiên Tần lưỡng Hán hai phụ âm *b/f* và *ph/f* còn nhập làm một và mãi đến thời Ngụy Tấn mới có sự chia tách. Về hiện tượng này, nhà cổ âm học đời Thanh là Tiền Đại Hân đã đưa ra rất nhiều dẫn chứng như: “Phục Hy” tức là “Bào Hy”, “Phù phục” tức “Bồ bặc”<sup>[13]</sup>.

**- m > v**

Trong HTNC có hai trường hợp dùng *m* ghi *v*, như dùng “vị” 味 ghi “mùi” (2a,d2) xuất hiện 6 lần, dùng “vụ” 務 ghi “mùa”, xuất hiện 2 lần. Sở dĩ có hiện tượng

này là do ở thời thượng cổ hai thanh mẫu “minh” và “vi” còn nhập làm một, đến thời âm Hán Trung cổ mới có sự chia tách thành “minh” và “vi”.

(Còn tiếp)

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc San (2003), *Lí thuyết chữ Nôm văn Nôm*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.51.
2. Vũ Văn Kính (2005), *Đại từ điển chữ Nôm*, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, Tp. HCM, tr.137, 236, 518, 1481 ...
3. Xem các loại tài liệu sau:
  - Nguyễn Tài Căn (1995), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
  - Nguyễn Tài Căn (1985), *Một số vấn đề về chữ Nôm*, Nxb. ĐHTH-CN, Hà Nội.
  - Nguyễn Ngọc San (1987), *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm*, Tập IV phần 2, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, tr.184 – 338.
  - Nguyễn Ngọc San (2003), *Lí thuyết chữ Nôm văn Nôm*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
  - Nguyễn Ngọc San (2001), *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### STUDYING SOME PROBLEMS OF “NOM” CHARACTERS AND THE VIETNAMESE LANGUAGE USED IN “HOA TIEN NHUAN CHINH”

#### ABSTRACT

*In recent years, learning about Demotic script and Vietnamese language history has become concerning more and more researchers. In which, the trend in survey, research and analysis of Demotic script as well as Vietnamese language written in a specific Demotic script work has increasingly been applied by many researchers and achieved very positively. Applying research trends mentioned above, we have chosen a specific Demotic script text to carry out a survey and analyze the issues in Demotic script as well as Vietnamese language written in the text. The Text chosen is “Hoa Tien Nhuan Chinh” which was originally written in Demotic script. The reason why we choose this text is that it is one of the representatives of the literary aspects such as linguistics, writings in period from century XVIII to XIX. Through analyzing Demotic script and the way how to write a text in Vietnamese, we can find out some characteristics of structure of Demotic script and Ancient Vietnamese language used in the text.*

**Keywords:** *Demotic script, sounds of Chinese - Vietnamese word, sounds of pre – Chinese Vietnamese word, Ancient Vietnamese language.*